TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2023/DS-PT
Ngày: 30-9-2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Ninh

Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng D - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26/9 và 30/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 về việc:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án số 07/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2023/QĐPT-DS ngày 05/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 153/2023/QĐ-PT ngày 13/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trương Hồng A, sinh năm 1987; Đia chỉ: Tổ 2, khu phố P 1, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

-*Bị đơn:* Ông Bùi Văn Ch, sinh năm 1987; bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1987; (Vắng mặt khi tuyên án)

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc D: Ông Bùi Văn Ch, sinh năm 1987. (Vắng mặt khi tuyên án)

Cùng địa chỉ: Tổ 8, khu phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng: Ông Trần Thanh N; sinh năm 2000; Địa chỉ: Tổ 1, khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Bùi Văn Ch và bà Nguyễn Thị Ngọc D.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 01 năm 2023 của ông Trương Hồng A cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã B của ông Hồng Anh trình bày:

- Ngày 09/9/2022, bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Bùi Văn Ch hỏi vay của anh Hồng Anh 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), không làm giấy tờ, thời hạn vay 1 tháng, không lãi suất, cùng ngày 09/9/2022 ông Hồng A đã chuyển vào tài khoản của ông C 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), hết thời hạn vay, vợ chồng bà D, ông C không trả nợ cho ông Hồng A.

- Ngày 14/9/2022, bà D và ông C hỏi vay của ông Hồng A 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Anh Hồng Anh và anh Chiến, chị D thoả thuận bằng miệng, thời hạn vay 1 tháng, không lãi suất, trong ngày 14/9/2022 anh Hồng Anh có chuyển cho bà D 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), hết thời hạn vay, vợ chồng bà D, ông C không trả nợ. Bà D có đến nhà anh Hồng Anh nói xin gia hạn thời hạn vay thêm 01 tháng, chuyển qua hợp đồng bằng miệng vay có lãi suất và trả cho anh Hồng Anh 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) tiền lãi, hết thời hạn vay đã gia hạn, bà D đến nhà anh Hồng Anh nói xin gia hạn thêm 01 tháng và bà D có trả cho anh Hồng Anh thêm 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) tiền lãi, đến nay bà D, ông C không trả tiền cho anh Hồng Anh. Nay anh Hồng Anh yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Bùi Văn Ch trả cho anh Hồng Anh 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Bùi Văn Ch vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không thể thu thập được ý kiến của bà D và ông C:

Tại bản tự khai người làm chứng anh Trần Thanh Nam trình bày: Vào khoảng thời gian ngày 15/9/2022 đến ngày 18/9/2022 anh Nam và anh Hồng Anh có đi ăn tại quán cháo lươn môn tại xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, gồm có anh Nam, anh Hồng Anh, anh Chiến và chị D thì anh Nam có nghe anh Chiến và bà D có mượn anh Hồng Anh lần đầu 100.000.000đ (Một trăm triệu) và lần hai 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), hai vợ chồng chị D và ông C cũng xác nhận có mượn số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) và hứa sẽ trả số tiền đó vào cuối tháng 10/2022, việc giao nhận tiền hay chuyển khoản anh Nam không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 15/6/2023, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hồng A.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Bùi Văn Ch có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trương Hồng A số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 04/7/2023, bị đơn ông Bùi Văn Ch và bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số

07/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã B theo hướng không chấp nhận trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) trong số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) mà Bản án sơ thẩm đã tuyên.

** Tại phiên tòa phúc thẩm*:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vẫn giữ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội D giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội D phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273, 278, 279, 282 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

*Về nội D:

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn Ch và bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc Tòa án nhân dân thị xã B xét xử không đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hồng A khởi kiện ông Bùi Văn Ch và bà Nguyễn Thị Ngọc D có nơi cư trú tại tổ 8, khu phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước phải có trách nhiệm trả cho ông Hồng A số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) không tính lãi suất. Tại Giấy ủy quyền số 233 quyển số 01/2023-SCT/CK,ĐC thể hiện bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D thường trú tại khu phố Phú Bình, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước (bút lục số 28). Tại điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thể hiện với nội D:

"*Điều 40. Thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu*

1. Nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động trong các trường hợp sau đây:

... h) Nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết;..."

Tại đơn khởi kiện của ông Trương Hồng A khởi kiện ông Bùi Văn Ch và bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc buộc ông C và bà D có trách nhiệm trả lại cho ông Hồng A số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi suất. Trong đó, bị đơn bà D có hộ khẩu thường trú tại khu phố Phú Bình, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Như vậy, Tòa án nhân dân thị xã B thụ lý đơn khởi kiện và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn Ch và bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không chấp nhận trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), ông Hồng A cho hai vợ chồng ông C và bà D vay tại Uỷ nhiệm chi của ngân hàng Sacombank Phòng giao dịch B vào ngày 09/9/2022, thể hiện khách hàng chuyển tiền là ông Trương Hồng A có số tài khoản 050073582617 và người thụ hưởng ông Bùi Văn Ch có số tài khoản 051009745496 với số tiền chuyển khoản là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/9/2023, bị đơn ông Bùi Văn Ch (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc D) thừa nhận có nợ ông Trương Hồng A số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Đối với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) ông C cho rằng đây là tiền hoa hồng mà ông Hồng A trả cho ông C. Ông C đề nghị HĐXX tạm hoãn phiên tòa để ông C cung cấp chứng cứ về số tiền 100.000.000đ mà ông Hồng A chuyển cho ông C, hạn chót vào ngày 30/9/2023. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày 30/9/2023, ông C không có mặt và cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu của ông. Vì vậy yêu cầu của ông C là không có cơ sở để chấp nhận.

Ngày 14/9/2022 bà D, ông C hỏi vay ông Hồng A số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), ngày 14/9/2022 ông Hồng A đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng Sacombank số tài khoản 050128777511 cho bà Nguyễn Thị Ngọc D thể hiện tại sổ phụ chi tiết kiệm báo nợ/báo có của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội – Phòng giao dịch B. Ngày 15/6/2023, ông Trương Hồng A có gửi đơn yêu cầu Ngân hàng Sacombank phòng giao dịch B, cung cấp thông tin cho Tòa án nhân dân thị xã B được biết số tài khoản 050128777511 có phải của bà Nguyễn Thị Ngọc D hay không, cùng ngày 15/6/2023, Ngân hàng Sacombank phòng giao dịch B có văn bản trả lời gửi Toà án số tài khoản 050128777511 là của bà Nguyễn Thị Ngọc D. Việc vay tiền của hai bên đương sự là hợp đồng vay có kỳ hạn theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, có nội D và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Khi đến hạn thanh toán, bị đơn vợ chồng ông C, bà D không trả số tiền trên cho nguyên đơn ông Hồng A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hồng A. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Bùi Văn Ch có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trương Hồng A số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn Ch và chị Nguyễn Thị Ngọc D. Cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị ông Bùi Văn Ch và bà Nguyễn Thị Ngọc D;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã B;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g, khoản 1, Điều 40, điểm d, Điều 40 khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 244 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hồng A.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Bùi Văn Ch có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trương Hồng A số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Bùi Văn Ch phải nộp 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Trương Hồng A 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002906 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Bùi Văn Ch và bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông C và bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003006 ngày 18/7/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước lập.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Bình